TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-ST
Ngày: 24 -01-2024
V/v Tranh chấp chia thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thạch Hoàng Tha**.

2. Ông **Hà Phương Đông**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Trân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên toà:* Bà **Lê Hồng Như** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp chia thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 502/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Hữu N**, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Bị đơn: Ông **Lê Hữu T**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Hà Thị Huyền N1**, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Ông **Lê Hữu T1**, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Ông **Lê Hữu C**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bà **Nguyễn Thị C1**, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C1: Bà **Lê Thị Hồng Đ**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 13/3/2023) (vắng mặt).

- Bà **Lê Thị Hồng Đ**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bà **Lê Thị Hồng L**, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Ông **Nguyễn Hải T2**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Hữu N trình bày:***

Cha mẹ của ông Lê Hữu N có tất cả 05 người con: Lê Hữu T1 (sinh năm 1962), Lê Hữu N (sinh năm 1963), Lê Hữu C (sinh năm 1968), Lê Hữu H (sinh năm 1973 – chết 2009) và Lê Hữu T (sinh năm 1974). Ngoài ra không có con riêng, con nuôi nào khác. Lúc sinh thời cha mẹ ông Lê Hữu N là cụ ông Lê Văn S, cụ bà Lý Thị Ngọc A có tạo dựng được khối tài sản là phần nhà và đất nằm trong giấy chứng nhận QSD đất số B 069275, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 000430, do UBND huyện C cấp ngày 12/7/1994, cụ thể là thửa đất số 850, tờ bản đồ số 2, diện tích 144 m^2 tọa tạc tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Trên thửa đất có căn nhà cấp 4, kết cấu bê tông, cốt thép, mái tol, nền gạch men do cha mẹ xây dựng, tu sửa và để lại đến nay, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận nhà ở. Căn nhà và đất này hiện nay (tọa lạc tại Ấp A, xã B) do ông Lê Hữu T và vợ là bà Hà Thị Huyền N1 quản lý và ở. Cha mẹ ông Lê Hữu N đã chết nhưng không có để lại di chúc về tài sản này.

Do các anh em không thỏa thuận được về chia di sản thừa kế bằng giá trị. Cụ thể như cách đây khoảng 01 năm trước ông Lê Hữu N và các anh em có đề nghị xác định giá trị tài sản của cha mẹ chết để lại sẽ giao cho ông Lê Hữu T và ông Lê Hữu T trả giá trị cho các anh em còn lại là 600.000.000 đồng nhưng không được ông Lê Hữu T đồng ý. Tiếp đó trước khi khởi kiện giá trị tài sản đã tăng lên. Ông Lê Hữu N ước tính khoảng 02 tỷ nên yêu cầu ông Lê Hữu T chia 01 tỷ và các anh em còn lại sẽ nhận. Giao ông Lê Hữu T 01 tỷ. Tuy nhiên cũng không có thỏa thuận được nên ông Lê Hữu N khởi kiện vụ án này.

Đề nghị chia đều di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích 144m^2 tại thửa số 850, tờ bản đồ số 02 cùng với tài sản gắn liền với đất căn nhà cấp 4, kết cấu bê tông, cốt thép, máy tol, nền gạch men tọa lạc tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc

Trăng cho 05 anh em của ông Lê Hữu N, riêng ông Lê Hữu N xin được nhận phần giá trị.

Ông Lê Hữu N đồng ý với kết quả đo đạc diện tích đất tại thửa số 850, tờ bản đồ số 02 nay thuộc thửa số 67 tờ bản đồ số 12 tọa lạc Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng với diện tích đất được xác định là 143,7m^2 với kết quả định giá theo giá thị trường là:

- Phần đất có giá là 2.474.945.100 đồng.

- Phần công trình xây dựng trên đất:

+ Nhà chính có giá 195.299.400 đồng.

+ Mái che có giá 6.078.976 đồng.

+ Nền lót gạch ceramic có giá 3.539.456 đồng.

+ Trần nhà (trần la phông) có giá 5.092.112 đồng.

Trong đó nhà chính và đất là của cha mẹ để lại. Còn lại mái che, nền lót gạch và trần nhà (trần la phông) do phía bị đơn ông Lê Hữu T và bà Hà Thị Huyền N1 làm thêm. Thống nhất với kết quả định giá tài sản và không yêu cầu địnhg giá tài sản lại.

Nay ông Lê Hữu N xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 069275 do UBND huyện C cấp ngày 12/7/1994 mang tên ông Lê Văn S đang do ông Lê Hữu N trực tiếp quản lý. Ông Lê Hữu N cũng xác định yêu cầu Tòa án chia giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và giá trị nhà chính cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông Lê Hữu N đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

- Tờ khai quan hệ thừa kế theo pháp luật do ông Lê Hữu N lập ngày 07/10/2022;

- Căn cước công dân mang tên Lê Thị Hồng Đ, Lê Hữu T1, Lê Hữu N, Lê Hữu C Nguyễn Thị C1 (bản photo);

- Sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Lê Văn S (bản chứng thực);

- Sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Lê Hữu N (bản chứng thực);

- Căn cước công dân mang tên Lê Hữu N (bản chứng thực);

- Giấy chứng tử mang tên Lý Thị Ngọc A (bản chứng thực);

- Giấy chứng tử mang tên Lê Văn S (bản chứng thực);

- Trích lục khai tử tên Lê Hữu H;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 069275 do UBND huyện C cấp ngày 12/7/1994 mang tên Lê Văn S;

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu T1 trình bày:***

Ông Lê Hữu T1 thống nhất với nội dung trình bày của ông Lê Hữu N trong việc xác định di sản thừa kế của cụ ông Lê Văn S và cụ bà Lý Thị Ngọc A để lại là phần

nhà và đất nằm trong giấy chứng nhận QSD đất số B 069275, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 000430, do UBND huyện C cấp ngày 12/7/1994, cụ thể là thửa đất số 850, tờ bản đồ số 2, diện tích 144 m^2 tọa tạc tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Trên thửa đất có căn nhà cấp 4, kết cấu bê tông, cốt thép, máy tol, nền gạch men do cha mẹ xây dựng, tu sửa và để lại đến nay, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận nhà ở. Căn nhà và đất này hiện nay (tọa lạc tại Ấp A, xã B) do ông Lê Hữu T và vợ là bà Hà Thị Huyền N1 quản lý và ở. Cụ ông Lê Văn S và cụ bà Lý Thị Ngọc A đã chết nhưng không có để lại di chúc về tài sản này. Đối với việc xác định hàng thừa kế như ông Lê Hữu N trình bày là đúng.

Ông Lê Hữu T1 thống nhất với kết quả đo đạc phần đất, kết quả định giá tài sản và không yêu cầu định giá lại. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Hải T2, Lê Thị Hồng L không có công sức đóng góp gì đối với phần tài sản là di sản của cha mẹ ông để lại.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu C trình bày:***

Ông Lê Hữu C thống nhất với nội dung trình bày của ông Lê Hữu N trong việc xác định di sản thừa kế của cụ ông Lê Văn S và cụ bà Lý Thị Ngọc A để lại là phần nhà và đất nằm trong giấy chứng nhận QSD đất số B 069275, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 000430, do UBND huyện C cấp ngày 12/7/1994, cụ thể là thửa đất số 850, tờ bản đồ số 2, diện tích 144 m^2 tọa tạc tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Trên thửa đất có căn nhà cấp 4, kết cấu bê tông, cốt thép, máy tol, nền gạch men do cha mẹ xây dựng, tu sửa và để lại đến nay, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận nhà ở. Căn nhà và đất này hiện nay (tọa lạc tại Ấp A, xã B) do ông Lê Hữu T và vợ là bà Hà Thị Huyền N1 quản lý và ở. Cụ ông Lê Văn S và cụ bà Lý Thị Ngọc A đã chết nhưng không có để lại di chúc về tài sản này. Đối với việc xác định hàng thừa kế như ông Lê Hữu N trình bày là đúng.

Ông Lê Hữu C thống nhất với kết quả đo đạc phần đất, Kết quả định giá tài sản. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Hải T2, Lê Thị Hồng L không có công sức đóng góp gì đối với phần tài sản là di sản của cha mẹ của ông để lại.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng Đ đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C1 trình bày:***

Bà Lê Thị Hồng Đ là con của ông Lê Hữu H, sinh năm 1973 – chết năm 2009 và bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1975. Cha bà Lê Thị Hồng Đ ông Lê Hữu H khi còn sống không có cha mẹ nuôi, không có con nuôi. Việc chia thừa kế di sản của ông nội và bà nội là cụ ông Lê Văn S, cụ bà Lý Thị Ngọc A để lại thì bà Lê Thị Hồng Đ và mẹ thống nhất nhận phần di sản của cha bà Lê Thị Hồng Đ là Lê Hữu H. Ngoài ra các vấn đề khác bà Lê Thị Hồng Đ không có ý kiến trình bày. Bà thống nhất với kết quả đo đạc phần đất, Kết quả định giá tài sản. Không yêu cầu định giá lại.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Huyền N1 trình bày:***

Vợ chồng bà Hà Thị Huyền N1, ông Lê Hữu T được cha mẹ chồng tên cụ ông Lê Văn S, cụ bà Lý Thị Ngọc A cưới hỏi và bà Hà Thị Huyền N1 về ở làm dâu từ trước năm 1996 trên phần đất, nhà quản lý tiếp tục từ khi cha mẹ chồng chết cho đến nay. Việc quản lý nhà, đất không được ai giao cũng như không có thỏa thuận gì. Do ông Lê Hữu T bận công việc, thường xuyên không có mặt tại nhà nên không thể cung cấp ý kiến cho Tòa án được. Việc chia thừa kế bà Hà Thị Huyền N1 không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án xem xét theo quy định. Bên cạnh đó bà Hà Thị Huyền N1 yêu cầu xem xét khi chia thừa kế di sản cần phải trừ lại phần diện tích do vợ chồng bà đã làm thêm như đã thẩm định.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá theo giá thị trường với kết quả như sau:*

- Hướng Bắc giáp đường giao thông, có số đo 5m;

- Hướng Nam giáp mương thoát nước 6,61m;

- Hướng Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Văn T3, có số đo 4,47m + 20,29m + 0,71m + 1,73m;

- Hướng Tây giáp phần đất của ông Lê Văn M, có số đo 4,43m + 11,21m + 8,67m.

Tổng diện tích 143,7m^2 loại đất ở tại đô thị thuộc thửa số 67 (thửa cũ là 850) tờ bản đồ số 12 (cũ là 02) tọa lạc Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 069275, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 000430 ngày 12/7/1994 mang tên ông Lê Văn S. Phần diện tích đất thực tế giảm 0,3m^2 do sai sót trong quá trình đo đạc và cách tính diện tích trước đây.

Trên phần đất có tài sản gồm:

- Nhà chính diện tích xây dựng 79,39m^2. Kết cấu xây dựng khung cột bê tông cốt thép, vách xây tường, nền gạch men, mái tole, không trần, cửa sắt + cửa gỗ.

- Mái che: có diện tích 19,84m^2. Có kết cấu mái tole, kết cấu đỡ bằng thép;

- Sân trước: có diện tích 84m^2. Có kết cấu nền lót gạch men;

- Trần nhà: diện tích 79,39m^2. Kết cấu thạch cao có hoa văn.

Định giá theo giá thị trường xác định giá trị:

- Phần đất có giá là 2.474.945.100 đồng.

- Phần công trình xây dựng trên đất:

+ Nhà chính có giá 195.299.400 đồng.

+ Mái che có giá 6.078.976 đồng.

+ Nền lót gạch ceramic có giá 3.539.456 đồng.

+ Trần nhà (trần la phông) có giá 5.092.112 đồng.

Đối với mái che, nền lót gạch men và trần nhà do vợ chồng ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1 cùng các con xây dựng, không liên quan đến phần di sản tranh chấp. Các đương sự thống nhất xác định không tranh chấp phần này.

* Tại phiên tòa hôm nay,

- Nguyên đơn là ông Lê Hữu N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản là nhà và đất do cụ ông Lê Văn S, cụ bà Lý Thị Ngọc A để lại. Ông yêu cầu nhận giá trị đối với phần di sản được hưởng. Ông cũng xác định hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính do ông là người trực tiếp quản lý, không có thế chấp cho bất kỳ tổ chức tín dụng nào. Ông Lê Hữu N trình bày về việc sau khi cha mẹ qua đời vợ chồng ông Lê Hữu T bà Hà Thị Huyền N1 mới đến ở tại căn nhà trên.

- Bị đơn ông Lê Hữu T vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu C thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ông Chi đưa ra yêu cầu nhận hiện vật, trả lại giá trị cho các đồng thừa kế. Bên cạnh đó, ông Lê Hữu C cũng đồng ý trả lại giá trị đối với mái che, nền lót gạch men và trần nhà do vợ chồng ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1 cùng các con xây dựng. Ông Lê Hữu C trình bày về việc sau khi cha mẹ qua đời vợ chồng ông Lê Hữu T bà Hà Thị Huyền N1 mới đến ở tại căn nhà trên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hữu T1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ông đồng ý nhận giá trị phần di sản thừa kế.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Huyền N1 trình bày kể từ khi cha mẹ chồng là cụ ông Lê Văn S, cụ bà Lý Thị Ngọc A chết thì bà cùng chồng là ông Lê Hữu T trực tiếp quản lý di sản của cha mẹ chồng để lại cho đến nay. Việc quản lý di sản trên không có văn bản thỏa thuận nào. Trong quá trình quản lý di sản, bà cùng với ông Lê Hữu T và con cũng như con rể đã có xây dựng và làm thêm mái che, nền lót gạch men và trần nhà. Do đó phần này không phải là di sản thừa kế. Bà và ông Lê Hữu T đồng ý giao lại căn nhà và đất cho các đồng thừa kế của ông Lê Hữu T và yêu cầu nhận giá trị đối với phần công sức đóng góp. Bà Hà Thị Huyền N1 xác định vợ chồng bà đã ở từ khi cụ ông Lê Văn S, cụ bà Lý Thị Ngọc A còn sống cho đến nay.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 164 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Điều 611, Điều 620, Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế di sản của ông Lê Văn S, bà Lý Thị Ngọc A để lại là quyền sử dụng đất phần diện tích đất 143,7m^2, thửa số 850 nêu trên và căn nhà chính trên đất, nhà có diện tích 79,39m^2.

2. Giao toàn bộ di sản thừa kế là quyền sử dụng đất phần diện tích đất 143,7m^2, thửa số 850 nêu trên và căn nhà chính trên đất, nhà có diện tích 79,39m^2 cho ông Lê Hữu C quản lý, sử dụng.

Buộc ông Lê Hữu C trả cho ông Lê Hữu T, ông Lê Hữu N, ông Lê Hữu T1, bà Lê Thị Hồng Đ: Mỗi người là 445.040.750 đồng/ người; Trả cho bà Hà Thị Huyền N1, ông Lê Hữu T số tiền 445.040.750 đồng.

Buộc ông Lê Hữu C trả cho ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1, bà Lê Thị Hồng L, ông Nguyễn Hải T2 giá trị phần tài sản là nền gạch, mái che và trần nhà số tiền 14.710.544 đồng.

Các đương sự phải chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Lê Hữu N khởi kiện ông Lê Hữu T về việc tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế do cha mẹ để lại là quyền sử dụng đất có diện tích 144m^2 tại thửa số 850, tờ bản đồ số 02 cùng với tài sản gắn liền với đất căn nhà cấp 4, kết cấu bê tông, cốt thép, máy tol, nền gạch men tọa lạc tại Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cho 05 anh em. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng và xác định đây là vụ án dân sự với quan hệ tranh chấp là "Chia thừa kế tài sản" theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 674 của Bộ luật dân sự 2005 cũng như Điều 649 của Bộ luật dân sự 2015.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Bị đơn ông Lê Hữu T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng L, ông Nguyễn Hải T2 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Hữu T, bà Lê Thị Hồng L và ông Nguyễn Hải T2.

[3] Về nội dung vụ án: Theo nội dung trình bày của nguyên đơn ông Lê Hữu N ông Lê Văn S, sinh năm 1931 – chết ngày 18/01/2009 và cụ bà Lý Thị Ngọc A, sinh năm 1935 - chết ngày 10/10/2010 để lại .gồm quyền sử dụng đất có diện tích 144m^2 thuộc thửa số 850, tờ bản đồ số 2 (diện tích theo đo đạc thực tế là 143,7m^2 thuộc thửa

số 67, tờ bản đồ số 12) tọa lạc Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 069275, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 000430 ngày 12/7/1994 mang tên ông Lê Văn S. Trên phần đất có tài sản gồm là Nhà chính diện tích xây dựng 79,39m^2. Kết cấu xây dựng khung cột bê tông cốt thép, vách xây tường, nền gạch men, mái tole, không trần, cửa sắt + cửa gỗ do ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1 quản lý. Cụ ông Lê Văn S và cụ bà Lý Thị Ngọc A chết không để lại di chúc và có tất cả 05 người con gồm: (1) Ông Lê Hữu T1, sinh năm 1962; (2) Ông Lê Hữu N (sinh năm 1963); (3) Ông Lê Hữu C (sinh năm 1968); (4) Ông Lê Hữu H, sinh năm 1973 – chết ngày 10/02/2009; (5) Ông Lê Hữu T (sinh năm 1974).

[3.1] Ông Lê Hữu T1, ông Lê Hữu C, bà Hà Thị Huyền N1 và bà Lê Thị Hồng Đ đều thống nhất với nội dung này. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 634, Điều 635, điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 Điều 676 của Bộ luật Dân sự 2005 cũng như Điều 612, Điều 613, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định: Công nhận di sản của cụ ông Lê Văn S, cụ bà Lý Thị Ngọc A để lại .gồm quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 143,7m^2 loại đất ở tại đô thị thuộc thửa số 67 (thửa cũ là 850) tờ bản đồ số 12 (cũ là 02) tọa lạc Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 069275, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 000430 ngày 12/7/1994 mang tên ông Lê Văn S. Trên phần đất có tài sản gồm là Nhà chính diện tích xây dựng 79,39m^2. Kết cấu xây dựng khung cột bê tông cốt thép, vách xây tường, nền gạch men, mái tole, không trần, cửa sắt + cửa gỗ. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Lê Văn S, cụ bà Lý Thị Ngọc A bao gồm: (1) Ông Lê Hữu T1, sinh năm 1962; (2) Ông Lê Hữu N (sinh năm 1963); (3) Ông Lê Hữu C (sinh năm 1968); (4) Ông Lê Hữu H, sinh năm 1973 – chết ngày 10/02/2009; (5) Ông Lê Hữu T (sinh năm 1974).

[3.2] Đối với ông Lê Hữu H, sinh năm 1973 – chết ngày 10/02/2009; có người con ruột tên: Lê Thị Hồng Đ, sinh năm 1997 và vợ là Nguyễn Thị C1. Những người này đều thống nhất nhận phần giá trị di sản của ông Huân được hưởng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy ông Lê Hữu H đã chết và phát sinh thừa kế thế vị theo quy định tại Điều 677 Bộ luật Dân sự năm 2005 cũng như quy định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự 2015.

[3.3] Thời điểm này sẽ phát sinh những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Lê Văn S, cụ bà Lý Thị Ngọc A bao gồm:

1. Ông Lê Hữu T1 (sinh năm 1962).

2. Ông Lê Hữu N (sinh năm 1963).

3. Ông Lê Hữu C (sinh năm 1968).

4. Ông Lê Hữu T (sinh năm 1974)

6. Lê Thị Hồng Đ, sinh năm 1997 (người thừa kế thế vị).

[3.4] Xét ý kiến và yêu cầu của bà Đoan là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 633 và Điều 635 của Bộ luật Dân sự năm 2005 cũng như quy định tại khoản 1

Điều 611 và Điều 613 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Xét về lời trình bày của ông Lê Hữu N, Lê Hữu C trình bày về việc sau khi cha mẹ qua đời vợ chồng ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1 mới đến ở tại căn nhà trên nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì chứng minh.

[3.6] Xét về lời trình bày của bà Hà Thị Huyền N1, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua kết quả xác minh về nguồn gốc phần đất tranh chấp tại thửa số 850, tờ bản đồ số 02 nay thuộc thửa số 67 tờ bản đồ số 12 tọa lạc Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là của ông Lê Văn S. Sau khi cụ ông Lê Văn S chết ngày 18/01/2009 và cụ bà Lý Thị Ngọc A chết ngày 10/10/2010 phần nhà và đất trên do vợ chồng bà Hà Thị Huyền N1, ông Lê Hữu T trực tiếp quản lý, sử dụng. Cụ thể: Phần đất tại thửa số 850, tờ bản đồ số 02 nay thuộc thửa số 67 tờ bản đồ số 12 tọa lạc Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng với diện tích đất được xác định là 143,7m^2. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định vợ chồng ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1 đã ở và quản lý di sản từ sau khi ông Lê Văn S, bà Lý Thị Ngọc A chết cho đến nay.

[3.7] Đối với di sản thừa kế: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần đất di sản có diện tích theo đo đạc thực tế là 143,7m^2 mục đích sử dụng là ở tại đô thị. Phần đất trên không có thế chấp tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào. Diện tích đo đạc thực tế giảm 0,3m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp là do cách xác định trước đây và hiện tại khác nhau. Việc giảm diện tích không phải do lấn ranh của thửa nào khác và các đương sự đều thống nhất với nội dung này.

[3.8] Bên cạnh việc thống nhất với kết quả thẩm định tài sản tranh chấp, các đương sự cũng thống nhất với kết quả định giá tài sản theo giá thị trường như sau:

[3.8.1] Phần diện tích đất có nhà do cụ ông Lê Văn S, cụ bà Lý Thị Ngọc A để lại có diện tích 143,7m^2 tại thửa số 850, tờ bản đồ số 02 nay thuộc thửa số 67 tờ bản đồ số 12 tọa lạc Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng được định giá theo giá thị trường là 2.474.945.100 đồng.

[3.8.2] Phần Nhà chính diện tích xây dựng 79,39m^2. Kết cấu xây dựng khung cột bê tông cốt thép, vách xây tường, nền gạch men, mái tole, không trần, cửa sắt + cửa gỗ được định giá theo giá thị trường là 195.299.400 đồng.

[3.8.3] Các đương sự cũng thống nhất xác định không phải là di sản để chia thừa kế mà là do ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1, bà Lê Thị Hồng L, ông Nguyễn Hải T2 trong quá trình quản lý, sử dụng có xây dựng, tôn tạo thêm với định giá theo giá trị thị trường xác định:

+ Mái che: có diện tích 19,84m^2. Có kết cấu mái tole, kết cấu đỡ bằng thép. Theo kết quả định giá là 6.078.976 đồng.

+ Sân trước: có diện tích 84m^2. Có kết cấu nền lót gạch men. Theo kết quả định giá là 3.539.456 đồng.

+ Trần nhà (la phông): diện tích 79,39m^2. Kết cấu thạch cao có hoa văn. Theo kết quả định giá là 5.092.112 đồng.

[3.8.4] Ông Lê Hữu C cũng đồng ý trả lại giá trị này khi nhận hiện vật nên Hội đồng xét xử ghi nhận nội dung này.

[3.9] Đối với Căn nhà và đất này do vợ chồng ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1 trực tiếp quản lý kể từ sau khi vợ chồng cụ ông Lê Văn S, cụ bà Lý Thị Ngọc A qua đời cho đến nay. Cụ ông Lê Văn S, cụ bà Lý Thị Ngọc A không để lại di chúc đối với căn nhà và phần đất có căn nhà trên. Do đó, việc phân chia di sản cũng xem xét đến công sức gìn giữ di sản của vợ chồng ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1 theo khoản 2 Điều 638 và khoản 2 Điều 640 của Bộ luật Dân sự năm 2005 cũng như quy định tại khoản 2 Điều 616 và khoản 2 và khoản 3 Điều 618 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.10] Đối với phần di sản là căn nhà và đất trên các đồng thừa kế không thể phân chia bằng hiện vật được, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 685 của Bộ luật Dân sự 2005 và khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự 2015 để phân chia bằng giá trị. Trong trường hợp này, nhà và đất đã được định giá theo giá thị trường nên có đủ cơ sở để xem xét giá để phân chia và việc giao lại nhà và đất. Tại phiên tòa, ông Lê Hữu C đưa ra yêu cầu được nhận hiện vật là nhà và đất. Các ông bà Lê Hữu N, Lê Hữu T1 và Hà Thị Huyền N1 đều thống nhất việc này nên cần ghi nhận và buộc ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1 cùng con là bà Lê Thị Hồng L và con rể là ông Nguyễn Hải T2 đang quản lý phần di sản trên giao cho ông Lê Hữu C. Đồng thời cũng cần ghi nhận và buộc ông Lê Hữu C trả lại giá trị phần không phải là di sản để chia thừa kế khi nhận hiện vật cho ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1, bà Lê Thị Hồng L, ông Nguyễn Hải T2 trong quá trình quản lý, sử dụng có xây dựng, tôn tạo thêm với định giá theo giá trị thị trường xác định: Mái che có giá 6.078.976 đồng; Sân trước: có diện tích 84m^2. Có kết cấu nền lót gạch men có giá 3.539.456 đồng; Trần nhà (trần la phông) có giá 5.092.112 đồng. Tổng số tiền là 14.710.544 đồng.

[3.11] Như đã phân tích ở trên phần di sản thừa kế có tổng giá trị là: 2.670.244.500 đồng (bao gồm: Phần đất có giá là 2.474.945.100 đồng và Phần công trình xây dựng trên đất là Nhà chính có giá 195.299.400 đồng) được phân chia thành 06 kỷ phần với giá trị mỗi kỷ phần là 445.040.750 đồng. Theo đó vợ chồng ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1 được 01 kỷ phần xem xét công sức gìn giữ di sản. Còn lại những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và thừa kế thế vị mỗi người được hưởng một kỷ phần bằng nhau.

[3.12] Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc khi đến hạn trả tiền, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về chi phí tố tụng bao gồm chi phí thẩm định và định giá thị trường, trích lục hồ sơ là 28.460.000 đồng. Do di ản thừa kế được chia làm 06 kỷ phần nên phải chịu chi phí tương ứng phần chi phí này theo quy định tại khoản 2 Điều 157 và Khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Do nguyên đơn ông Lê Hữu N đã nộp xong nên các đương sự còn lại mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hữu N là 4.743.333 đồng chi phí tố tụng.

[5] Về án phí:

[5.1] Mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế bao gồm giá trị căn nhà, đất là 445.040.750 đồng vì vậy phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.801.630 đồng.

[5.2] Riêng kỷ phần công sức gìn giữ, quản lý di sản thừa kế được xác định cho vợ chồng ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1 nên phải liên đới chịu án phí đối với kỷ phần này.

[5.3] Đối với ông Lê Hữu N, ông Lê Hữu T1 thuộc trường hợp là người cao tuổi và có yêu cầu miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 nên được xem xét chấp nhận miễn án phí theo quy định.

[5.4] Đối với số tiền 14.710.544 đồng không phải là di sản để chia thừa kế được hưởng mà là ông Lê Hữu C phải trả lại giá trị phần hiện vật cho ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1, bà Lê Thị Hồng L, ông Nguyễn Hải T2 trong quá trình quản lý, sử dụng có xây dựng, tôn tạo thêm nên ông Lê Hữu C, ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1, bà Lê Thị Hồng L, ông Nguyễn Hải T2 không phải chịu án phí đối với phần này theo điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

[6] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án và các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 2 Điều 92, khoản 5 Điều 147, khoản 2 Điều 157 và Khoản 2 Điều 165 khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 634, Điều 635, khoản 2 Điều 638, khoản 2 Điều 640 điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 Điều 676 và khoản 2 Điều 685 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 612, Điều 613, khoản 2 Điều 616 và khoản 2 và khoản 3 Điều 618 điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651 và khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a, điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu N.

1. Công nhận di sản của cụ ông Lê Văn S, cụ bà Lý Thị Ngọc A để lại gồm quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 143,7m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 069275 do UBND huyện C cấp ngày 12/7/1994 mang tên ông Lê Văn S tại thửa số 850, tờ bản đồ số 02 nay thuộc thửa số 67 tờ bản đồ số 12 tọa lạc Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Định giá theo giá thị trường là 2.474.945.100 (Hai tỷ, bốn trăm bảy mươn bốn triệu, chính trăm bốn mươi lăm nghìn, một trăm) đồng và phần Nhà chính diện tích xây dựng 79,39m^2. Kết cấu xây dựng khung cột bê tông cốt thép, vách xây tường, nền gạch men, mái tole, không trần, cửa sắt + cửa gỗ. Định giá theo giá thị trường là 195.299.400 (Một trăm chín mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, bốn trăm) đồng.

2. Về hàng thừa kế: Xác định cụ ông Lê Văn S, sinh năm 1931 – chết ngày 18/01/2009 và cụ bà Lý Thị Ngọc A, sinh năm 1935 - chết ngày 10/10/2010 có những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất bao gồm:

2.1. Ông Lê Hữu T1 (sinh năm 1962).

2.2. Ông Lê Hữu N (sinh năm 1963).

2.3. Ông Lê Hữu C (sinh năm 1968).

2.4. Ông Lê Hữu H, sinh năm 1973 – chết ngày 10/02/2009. Có bà Lê Thị Hồng Đ là người thừa kế thế vị.

2.5. Ông Lê Hữu T (sinh năm 1974).

3. Nghi nhận ý kiến của bà Hà Thị Huyền N1 về việc giao lại nhà và đất là di sản thừa kế cho ông Lê Hữu C và buộc ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1, bà Lê Thị Hồng L, ông Nguyễn Hài Trường giao lại cho ông Lê Hữu C.

4. Ghi nhận và buộc ông Lê Hữu C trả lại phần giá trị tài sản do vợ chồng ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1, bà Lê Thị Hồng L, ông Nguyễn Hải T2 đã xây dựng thêm theo kết quả định giá theo giá thị trường tổng giá trị là 14.710.544 (Mười bốn triệu, bảy trăm mười nghìn, năm trăm bốn mươi bốn) đồng (gồm Mái che có giá 6.078.976 đồng; Nền lót gạch có giá 3.539.456 đồng; Trần nhà (trần la phông) có giá 5.092.112 đồng).

3. Di sản được phân chia như sau:

3.1. Buộc ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1, bà Lê Thị Hồng L và ông Nguyễn Hải T2 giao lại cho ông Lê Hữu C bao gồm: Phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 143,7m^2 (Hướng Bắc giáp đường giao thông, có số đo 5m; Hướng Nam giáp mương thoát nước 6,61m; Hướng Đông giáp phần đất của ông Nguyễn Văn T3, có số đo 4,47m + 20,29m + 0,71m + 1,73m; Hướng Tây giáp phần đất của ông Lê Văn M, có số đo 4,43m + 11,21m + 8,67m) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 069275 do UBND huyện C cấp ngày 12/7/1994 mang tên ông Lê Văn S tại thửa số 850, tờ bản đồ số 02 nay thuộc thửa số 67 tờ bản đồ số 12 tọa lạc Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cùng với phần tài sản trên đất:

- Nhà chính diện tích xây dựng 79,39m^2. Kết cấu xây dựng khung cột bê tông cốt thép, vách xây tường, nền gạch men, mái tole, không trần, cửa sắt + cửa gỗ.

- Mái che: có diện tích 19,84m^2. Có kết cấu mái tole, kết cấu đỡ bằng thép;

- Sân trước: có diện tích 84m^2. Có kết cấu nền lót gạch men;

- Trần nhà: diện tích 79,39m^2. Kết cấu thạch cao có hoa văn.

(Kèm theo bản án này là sơ đồ bản vẽ chi tiết vị trí đất).

Buộc ông Lê Hữu C có nghĩa vụ thanh toán cho các ông, bà là người thừa kế, thừa kế thế vị như sau:

3.2. Buộc ông Lê Hữu C thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông Lê Hữu T1 là: 445.040.750 (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng

3.3. Buộc ông Lê Hữu C thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông Lê Hữu N là: 445.040.750 (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng

3.4. Buộc ông Lê Hữu C thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông Lê Hữu T là: 445.040.750 (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng

3.5. Buộc ông Lê Hữu C thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Lê Thị Hồng Đ là: 445.040.750 (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng

3.6. Buộc ông Lê Hữu C thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông Lê Hữu T, bà Hà Thị Huyền N1 là: 445.040.750 (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng

3.7. Buộc ông Lê Hữu C thanh toán giá trị tài sản cho các ông bà Lê Hữu N, Hà Thị Huyền N1, bà Lê Thị Hồng L, ông Nguyễn Hải T2 14.710.544 (Mười bốn triệu, bảy trăm mười nghìn, năm trăm bốn mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc khi đến hạn trả tiền, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng: Bao gồm chi phí trích lục hồ sơ địa chính, chi phí thẩm định và định giá thị trường là 28.460.000 (Hai mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn) đồng do nguyên đơn ông Lê Hữu N đã nộp xong nên các đương sự còn lại phải có nghĩa vụ thanh toán lại như sau:

4.1. Buộc ông Lê Hữu C phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Lê Hữu N số tiền 4.743.333 (Bốn triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

4.2. Buộc ông Lê Hữu T1 phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Lê Hữu N số tiền 4.743.333 (Bốn triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

4.3. Buộc ông Lê Hữu T phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Lê Hữu N số tiền 4.743.333 (Bốn triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

4.4. Buộc bà Lê Thị Hồng Đ phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Lê Hữu N số tiền 4.743.333 (Bốn triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

4.5. Buộc ông Lê Hữu T cùng bà Hà Thị Huyền N1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán lại cho ông Lê Hữu N số tiền 4.743.333 (Bốn triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

5. Về án phí:

4.1. Buộc ông Lê Hữu C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.801.630 (Hai mươi mốt triệu, tám trăm lẻ một nghìn, sáu trăm ba mươi) đồng.

4.2. Buộc ông Lê Hữu T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.801.630 (Hai mươi mốt triệu, tám trăm lẻ một nghìn, sáu trăm ba mươi) đồng. Nhưng thuộc trường hợp là người cao tuổi nên được miễn án phí.

4.3. Buộc ông Lê Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.801.630 (Hai mươi mốt triệu, tám trăm lẻ một nghìn, sáu trăm ba mươi) đồng.

4.4. Buộc bà Lê Thị Hồng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.801.630 (Hai mươi mốt triệu, tám trăm lẻ một nghìn, sáu trăm ba mươi) đồng.

4.5. Buộc ông Lê Hữu T cùng bà Hà Thị Huyền N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.801.630 (Hai mươi mốt triệu, tám trăm lẻ một nghìn, sáu trăm ba mươi) đồng.

Buộc ông Lê Hữu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.801.630 (Hai mươi mốt triệu, tám trăm lẻ một nghìn, sáu trăm ba mươi) đồng. Nhưng ông Nhơn thuộc trường hợp là người cao tuổi và được miễn án phí nên được nhận số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005965 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú.

6. Về quyền kháng cáo: các ông bà Lê Hữu N, Lê Hữu T1, Lê Hữu C Hà Thị Huyền N1 và bà Lê Thị Hồng Đ được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án và ông Lê Hữu T, bà Lê Thị Hồng L, ông Nguyễn Hải T2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện LP;
- Chi cục THADS huyện LP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thái Ngọc